TRƯỜNG THPT NGUYỄN THIỆN THUẬT

DANH SÁCH ĐIỂM KHỐI D VÀ THỦ KHOA KHỐI D

NĂM HỌC 2021 -2022

STT	Họ và tên	Lớp	Toán	Văn	Tiếng anh	KHỐI D
1	ĐỖ THỊ BÍCH NGỌC	12A1	8.8	7.75	9	25.55
2	NGUYỄN THỊ LOAN	12A5	8.6	7.75	8.6	24.95
3	NGUYỄN THÙY CHI	12A1	8.4	7.75	8.8	24.95
4	NGUYỄN VŨ LÂM	12A1	9	7	8.8	24.8
5	VŨ HÀ PHƯƠNG	12A2	8.8	6.75	9.2	24.75
6	TRẦN NGỌC MAI	12A4	7.8	8.75	8.2	24.75
7	VŨ DIỆU LINH	12A2	7.8	7.5	9.2	24.5
8	TRƯƠNG KIỀU DIỄM	12A1	8.6	7	8.6	24.2
9	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	12A2	8.6	7.5	8	24.1
10	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	12A3	9	8	7	24
11	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LOAN	12A1	8.2	6.75	8.8	23.75
12	PHẠM VĂN DŨNG	12A4	7.8	6.25	9.6	23.65
13	NGUYỄN THỊ OANH	12A5	8.8	8.5	6	23.3
14	PHẠM PHƯƠNG THẢO	12A1	8.2	7.25	7.8	23.25
15	VŨ THU PHƯƠNG	12A3	7.8	8.25	7.2	23.25
16	PHẠM THÚY NGA	12A3	8.6	6.5	8	23.1
17	PHẠM VŨ TRÀ MY	12A4	8.4	7.25	7.4	23.05
18	NGUYỄN MINH QUÂN	12A1	7.8	6	9.2	23
19	PHẠM ĐỨC TRUNG	12A1	8.6	5.75	8.6	22.95
20	ĐẶNG THỊ MINH PHƯƠNG	12A1	8	6.5	8.4	22.9
21	NGUYỄN VĂN MINH	12A4	7.8	7.5	7.6	22.9
22	VŨ PHƯƠNG THẢO	12A2	9	8.5	5	22.5
23	LÊ QUỲNH TRANG	12A2	8.6	7	6.8	22.4
24	VŨ THỊ HOÀNG LAN	12A3	8.4	8	6	22.4
25	LƯƠNG THỊ HUỆ	12A1	8.2	7.75	6.4	22.35
26	NGUYỄN THỊ THU THẢO	12A6	7.4	7.75	7.2	22.35
27	ĐÀO MINH ANH	12A3	7.6	7.5	7.2	22.3

STT	Họ và tên	Lớp	Toán	Văn	Tiếng anh	KHỐI D
28	ĐẶNG THỊ MAI LOAN	12A4	8.4	7.5	6.4	22.3
29	PHẠM THỊ VÂN ANH	12A4	8.4	8.5	5.4	22.3
30	ĐÀO MINH ĐỨC	12A4	8.2	8	6	22.2
31	VŨ HỒNG THÚY	12A2	8.6	6.75	6.8	22.15
32	ĐẶNG THANH TRANG	12A3	7.4	7.5	7.2	22.1
33	ĐẶNG MINH ĐẠI	12A1	7.8	6.25	8	22.05
34	VŨ THỊ MAI LINH	12A1	7.6	7	7.4	22
35	VŨ VIỆT HÀ	12A3	7.6	7.5	6.8	21.9
36	VĂN THỊ THU HUYỀN	12A5	8.2	8.25	5.4	21.85
37	PHẠM ĐẮC DŨNG	12A7	8.2	7.25	6.4	21.85
38	PHẠM SỸ HOÀNG	12A1	8.4	7	6.4	21.8
39	PHẠM THỊ QUỲNH NHƯ	12A7	7.8	7	7	21.8
40	NGUYỄN THÚY HIỀN	12A4	7.8	7.75	6.2	21.75
41	NGUYỄN MAI ANH	12A1	9	6.5	6.2	21.7
42	HOÀNG NGỌC HÀ	12A9	6.6	7.5	7.6	21.7
43	TRẦN MỸ DUYÊN	12A1	8.4	6.25	7	21.65
44	VŨ THỊ MAI DUYÊN	12A2	8.2	8.25	5.2	21.65
45	NGÔ THỊ THÙY TRANG	12A6	7.6	7.25	6.8	21.65
46	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	12A5	7.8	7.25	6.4	21.45
47	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	12A5	7.8	8.25	5.4	21.45
48	LUYỆN NGUYỄN QUẾ CHI	12A3	8.6	7.25	5.6	21.45
49	VŨ ĐĂNG HUY	12A8	8.2	7.25	6	21.45
50	PHẠM ĐỨC THUẬN	12A4	8.6	4	8.8	21.4
51	NGUYỄN KHẮC TIẾN	12A3	7.8	5.75	7.8	21.35
52	NGUYỄN THỊ MAI	12A4	8.2	7.75	5.4	21.35
53	ĐOÀN VŨ QUANG	12A1	8.4	4.25	8.6	21.25
54	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	12A1	7.8	6	7.4	21.2
55	HỨA PHƯƠNG LINH	12A2	8.4	7	5.8	21.2
56	VÕ THỊ VÂN HÀ	12A5	6.2	6	9	21.2
57	NGUYỄN TRUNG KIÊN	12A1	7.8	5.75	7.6	21.15

STT	Họ và tên	Lớp	Toán	Văn	Tiếng anh	KHỐI D
58	LÊ THỊ THƠM	12A1	8.2	7.5	5.4	21.1
59	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	12A1	8.6	5.25	7.2	21.05
60	LÊ THÙY DUNG	12A3	8.2	6.25	6.6	21.05
61	VŨ THANH HUYỀN	12A1	7.6	8	5.4	21
62	VŨ THÀNH TRUNG	12A1	8.8	7	5.2	21
63	BÙI ANH BÁCH	12A2	8.4	7	5.6	21
64	ĐÀO VĂN ĐỨC	12A2	8	7	6	21
65	TRẦN THỊ THU TRANG	12A3	7.8	6.75	6.4	20.95
66	NGÔ THỊ NHUNG	12A1	9	7.75	4.2	20.95
67	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG LINH	12A1	8.4	7.5	5	20.9
68	NGUYỄN HỒNG SƠN	12A10	8.2	6.5	6.2	20.9
69	ĐẶNG THỊ THU TRANG	12A5	8	6.5	6.4	20.9
70	NGUYỄN THỊ THẢO NGUYÊN	12A1	8	6.25	6.6	20.85
71	VŨ THÚY HÀ	12A4	7.8	7.25	5.8	20.85
72	PHẠM THỊ HÀ VY	12A5	8.4	7.25	5.2	20.85
73	LÊ ĐỨC TÀI	12A10	8.2	6.5	6	20.7
74	NGUYỄN THỊ HẢI ANH	12A3	8.2	7.5	5	20.7
75	VŨ THỊ THU HÒA	12A5	7.2	7.5	6	20.7
76	PHẠM ĐỨC HUY	12A4	7.6	6.25	6.8	20.65
77	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	12A2	8.4	6	6.2	20.6
78	ĐẶNG THỊ NGỌC HUYỀN	12A5	6.8	8	5.8	20.6
79	NGUYỄN CẨM VÂN	12A5	7.2	7	6.4	20.6
80	PHẠM THỊ QUỲNH ANH	12A5	7.6	7.75	5.2	20.55
81	VŨ THỊ THANH PHƯƠNG	12A6	7.6	7.75	5.2	20.55
82	NGUYỄN THU HIỀN	12A7	8.4	6.75	5.4	20.55
83	NGHIÊM THỊ NGỌC ANH	12A4	8.6	7.5	4.4	20.5
84	NGUYỄN VIỆT ANH	12A6	7.6	7.25	5.6	20.45
85	NGUYỄN THỊ THU HUỆ	12A2	7.6	7	5.8	20.4
86	VŨ QUỲNH TRANG	12A1	8.8	6.75	4.8	20.35
87	NGUYỄN CÔNG VINH	12A2	8.8	6.75	4.8	20.35

STT	Họ và tên	Lớp	Toán	Văn	Tiếng anh	KHỐI D
88	VŨ ĐỨC THẮNG	12A3	7.8	5.5	7	20.3
89	NGUYỄN HÀ THU	12A5	6.8	7.5	6	20.3
90	PHẠM VIỆT HOÀNG	12A8	8.4	6.5	5.4	20.3
91	NGUYỄN TUẤN HƯNG	12A2	8.2	5.5	6.6	20.3
92	VŨ VĂN TUẤN	12A6	8.2	7.5	4.6	20.3
93	PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH	12A3	7.6	5.25	7.4	20.25
94	CAO THỊ KIỀU OANH	12A4	8.4	7.25	4.6	20.25
95	PHAN ANH HOÀNG	12A1	7.8	6	6.4	20.2
96	ĐỖ XUÂN HÙNG	12A2	8.8	7	4.4	20.2
97	LẠI THỊ MINH THANH	12A8	7.8	8	4.4	20.2
98	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	12A9	7.8	8.75	3.6	20.15
99	ĐÀO THỊ THANH TÂM	12A1	8.6	5.75	5.8	20.15
100	NGUYỄN THỊ NGỌC THOA	12A1	8.2	5.75	6.2	20.15
101	DƯƠNG THỊ BÍCH NGỌC	12A4	7.8	6.75	5.6	20.15
102	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	12A1	6.8	5.5	7.8	20.1
103	TRẦN THỊ THỦY	12A1	9.2	6.25	4.6	20.05
104	VŨ CẢNH TÙNG	12A3	8.6	4.75	6.6	19.95
105	VŨ THÀNH ĐẠT	12A6	7.6	5.5	6.8	19.9
106	TRƯƠNG HUYỀN MY	12A4	7.6	7.25	5	19.85
107	NGUYỄN MẠNH HÙNG	12A5	8	6.25	5.6	19.85
108	VŨ TIẾN ĐẠT	12A6	5.8	6.25	7.8	19.85
109	BÙI THỊ ÁNH TUYẾT	12A8	6.8	8.25	4.8	19.85
110	NINH THANH SÂM	12A2	9.4	4	6.4	19.8
111	PHẠM QUANG ĐẠI	12A6	7.8	5	7	19.8
112	NGUYỄN THỊ MINH HUYỀN	12A7	7.8	8	4	19.8
113	PHẠM VĂN HIỆP	12A8	7.6	6	6.2	19.8
114	PHẠM THỊ THÙY TRANG	12A2	8.4	6.75	4.6	19.75
115	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	12A6	7.6	6.75	5.4	19.75
116	NGUYỄN NGỌC MAI	12A7	7.2	6.5	6	19.7
117	ĐẶNG QUỐC TUẤN	12A7	7.2	6.5	6	19.7

STT	Họ và tên	Lớp	Toán	Văn	Tiếng anh	KHỐI D
118	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	12A5	8.2	8	3.4	19.6
119	PHẠM THU THANH	12A2	7.8	6.75	5	19.55
120	VŨ DUY HIẾU	12A10	6.6	6.25	6.6	19.45
121	KIỀU VĂN BẢO	12A2	9.6	5.25	4.6	19.45
122	NGUYỄN CHÍNH NGUYÊN	12A4	7.6	7.25	4.6	19.45
123	PHẠM LINH NGA	12A5	5	7.75	6.6	19.35
124	NGUYỄN THỊ THU HÀ	12A6	7.2	6.5	5.6	19.3
125	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	12A4	6.8	6.25	6.2	19.25
126	PHẠM THỊ NGỌC LINH	12A3	8.4	7	3.8	19.2
127	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	12A6	7.4	6	5.8	19.2
128	VŨ HUYỀN ANH	12A3	7.6	7.75	3.8	19.15
129	ĐÀO VÂN ANH	12A2	8	6.5	4.6	19.1
130	DƯƠNG CÔNG LÝ	12A3	7	5.25	6.8	19.05
131	DOÃN THỊ XUÂN THU	12A4	7.8	7.25	4	19.05
132	PHẠM HỮU PHÚ	12A7	8.2	6.25	4.6	19.05
133	PHẠM ĐÌNH DŨNG	12A9	6.8	7	5.2	19
134	NGUYỄN PHÚC BẢO TÍN	12A10	6.6	5.75	6.6	18.95
135	NGUYỄN CÔNG LONG	12A2	8.6	5.5	4.8	18.9
136	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	12A6	7.4	6.5	5	18.9
137	PHẠM TRƯỜNG GIANG	12A4	7.6	6.25	5	18.85
138	NGUYỄN NGỌC PHÚC	12A1	8	6	4.8	18.8
139	PHẠM MINH DUYÊN	12A3	6.8	6	6	18.8
140	PHẠM THỊ BÍCH HỢP	12A3	7.8	7	4	18.8
141	VŨ THỊ NGỌC ÁNH	12A7	6.6	7	5.2	18.8
142	ĐÀO VIỆT CƯỜNG	12A8	7.4	6	5.4	18.8
143	NGUYỄN VŨ HẬU	12A10	7.8	2.75	8.2	18.75
144	VŨ TUẤN DŨNG	12A2	9	4.75	5	18.75
145	LƯƠNG THỊ PHƯƠNG LAN	12A3	7.8	6.75	4.2	18.75
146	PHẠM KHÁNH LINH	12A3	6.4	6.75	5.6	18.75
147	ĐÀO THỊ PHƯƠNG ANH	12A9	7	7.75	4	18.75

STT	Họ và tên	Lớp	Toán	Văn	Tiếng anh	KHỐI D
148	NGUYỄN VIỆT ANH	12A10	8.2	4.5	6	18.7
149	BÙI LỆ THỦY	12A3	8.2	7.5	3	18.7
150	NGUYỄN THỊ MINH ANH	12A1	9.4	5.25	4	18.65
151	PHẠM TIẾN QUYẾT	12A4	7.2	6.25	5.2	18.65
152	NGUYỄN THỊ THANH CHÚC	12A2	8.2	6	4.4	18.6
153	NGUYỄN THỊ OANH	12A5	6.6	8	4	18.6
154	NGUYỄN VĂN QUÝ	12A6	8.4	6	4.2	18.6
155	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	12A2	9	5.75	3.8	18.55
156	LÊ THỊ THU HIỀN	12A7	5.6	6.25	6.6	18.45
157	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	12A7	6.6	8.25	3.6	18.45
158	VŨ ĐẠI THÀNH	12A8	8	6.25	4.2	18.45
159	NGUYỄN GIA KHÁNH	12A9	8.2	6.25	4	18.45
160	NGUYỄN THỊ HÀ	12A2	7.8	7	3.6	18.4
161	ĐẶNG THU HỒNG	12A1	8.6	6	3.8	18.4
162	VŨ NGỌC MAI	12A3	7.6	5	5.8	18.4
163	NGUYỄN GIA ĐẠI	12A5	7.6	5	5.8	18.4
164	PHẠM MẠNH THẮNG	12A5	7.2	7	4.2	18.4
165	VŨ TRUNG TIẾN	12A7	9	6	3.4	18.4
166	PHAN THU HƯƠNG	12A2	6.8	8.25	3.2	18.25
167	DƯƠNG THÙY LINH	12A6	5.6	8.25	4.4	18.25
168	PHẠM THỊ KHÁNH VÂN	12A8	6.8	7.25	4.2	18.25
169	PHẠM VĂN NAM	12A2	8.6	5	4.6	18.2
170	LƯU VĂN ĐIỆN	12A4	8.6	6	3.6	18.2
171	NGUYỄN TUẤN ANH	12A5	8	6	4.2	18.2
172	QUẢN GIA PHÚC	12A6	6.8	5.75	5.6	18.15
173	PHẠM THỊ THÙY VÂN	12A4	8.6	4.5	5	18.1
174	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	12A5	7	6.5	4.6	18.1
175	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	12A9	5.4	6.5	6.2	18.1
176	PHẠM THỊ KHÁNH LINH	12A1	8.4	5.25	4.4	18.05
177	ĐẶNG MINH PHÁT	12A10	6.4	6	5.6	18

STT	Họ và tên	Lớp	Toán	Văn	Tiếng anh	KHỐI D
178	TRƯƠNG THỊ NGOAN	12A2	8	6	4	18
179	NGUYỄN CAO KIỀU TRANG	12A5	3.8	9	5.2	18
180	BÙI THỊ NGA	12A7	7.4	6	4.6	18
181	VŨ THỊ THU HUYỀN	12A9	6.8	7	4.2	18
182	ĐỖ THỊ XUÂN QUỲNH	12A1	7.8	4.75	5.4	17.95
183	PHAN ANH HIẾU	12A1	7.6	5.75	4.6	17.95
184	TRẦN THỊ THU NGOAN	12A3	8.4	6.75	2.8	17.95
185	NGUYỄN THỊ KIM OANH	12A5	6.2	7.75	4	17.95
186	PHẠM THỊ THẢO	12A7	7.6	6.75	3.6	17.95
187	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	12A1	7.4	6.5	4	17.9
188	ĐẶNG QUỐC HUY	12A10	8.2	5.5	4.2	17.9
189	LÊ GIA NAM	12A2	6.8	5.5	5.6	17.9
190	NGUYỄN VĂN HOẠT	12A3	7	6.5	4.4	17.9
191	LÊ QUỐC VIỆT	12A3	9	5.5	3.4	17.9
192	LÊ THỊ NGỌC	12A1	7.8	5	5	17.8
193	PHAN THANH BÌNH	12A3	7.6	5	5.2	17.8
194	PHẠM THỊ NHƯ	12A4	7.6	7	3.2	17.8
195	VŨ THÀNH TRUNG	12A6	7.8	6	4	17.8
196	ĐỖ THỊ NGỌC THOAN	12A1	7.6	6.75	3.4	17.75
197	PHẠM TÙNG DƯƠNG	12A3	7.8	5.75	4.2	17.75
198	QUÁCH THẾ THẮNG	12A5	8.4	4.75	4.6	17.75
199	NGUYỄN HOÀI LINH	12A2	8	5.5	4.2	17.7
200	NGUYỄN THỊ THẢO NGỌC	12A3	8	6.5	3.2	17.7
201	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	12A5	7	4.5	6.2	17.7
202	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	12A6	5	6.5	6.2	17.7
203	NGUYỄN ĐỨC NGỌC QUÂN	12A4	8.4	6.25	3	17.65
204	NGUYỄN XUÂN HỘI	12A3	8	5	4.6	17.6
205	PHẠM TRUNG HIẾU	12A4	6.6	6	5	17.6
206	NGUYỄN THỊ THÚY HỒNG	12A4	7.8	6	3.8	17.6
207	PHẠM THỊ THẢO	12A7	7.4	7	3.2	17.6

STT	Họ và tên	Lớp	Toán	Văn	Tiếng anh	KHỐI D
208	LẠI THỊ NHƯ QUỲNH	12A9	7.6	7	3	17.6
209	NGUYỄN QUANG QUYẾT	12A1	8.4	4.75	4.4	17.55
210	ĐỖ THỊ THÙY DUNG	12A2	7.8	5.75	4	17.55
211	NGUYỄN MINH QUYẾT	12A4	8.6	5.75	3.2	17.55
212	VŨ THU HÀ	12A9	5.6	6.75	5.2	17.55
213	TRẦN THỊ THU HÀ	12A10	5.4	7.5	4.6	17.5
214	ĐÀO DUY LINH	12A10	8	6.5	3	17.5
215	NGUYỄN HỮU QUẢNG	12A7	8.2	5.5	3.8	17.5
216	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	12A7	6.8	6.25	4.4	17.45
217	NGUYỄN THỊ KIM OANH	12A5	7.2	6.25	4	17.45
218	NGUYỄN VĂN ĐỨC	12A6	7.2	6.25	4	17.45
219	VŨ CAO CƯỜNG	12A4	8	5	4.4	17.4
220	ĐẶNG THỊ LAN HƯƠNG	12A8	6.8	6	4.6	17.4
221	PHẠM HOA MỸ	12A9	8.4	6	3	17.4
222	NGUYỄN QUỐC LỘC	12A10	7.4	5.75	4.2	17.35
223	VŨ VINH LƯỢNG	12A2	6.4	4.75	6.2	17.35
224	NGÔ THỊ THANH CHÚC	12A7	6.4	5.75	5.2	17.35
225	ĐINH THANH HOA	12A1	9	4.5	3.8	17.3
226	NGUYỄN THỊ THU THỦY	12A10	6	5.5	5.8	17.3
227	NGUYỄN VĂN HIẾU	12A3	8.8	5.5	3	17.3
228	ĐẶNG THỊ THANH NHÀN	12A5	5.8	6.5	5	17.3
229	PHAN THỊ CẨM LINH	12A7	6.8	7.5	3	17.3
230	NGUYỄN VĂN DOANH	12A9	7.4	5.5	4.4	17.3
231	ĐẶNG MAI QUỲNH	12A9	5.4	7.25	4.6	17.25
232	ĐÀO ANH QUÂN	12A2	8	4.75	4.4	17.15
233	ĐỖ MINH KHÁ	12A7	8	6.75	2.4	17.15
234	ĐỖ THỊ THÚY HUYỀN	12A7	6.4	7.5	3.2	17.1
235	VŨ ĐĂNG DUY	12A8	6.6	5.5	5	17.1
236	ĐẶNG THÙY LINH	12A4	7.6	6.25	3.2	17.05
237	NGUYỄN VĂN TÙNG	12A4	8.2	5.25	3.6	17.05

STT	Họ và tên	Lớp	Toán	Văn	Tiếng anh	KHỐI D
238	TẠ ANH ĐÔNG	12A9	6.4	6.25	4.4	17.05
239	NGUYỄN GIA BẢO	12A1	8.8	5	3.2	17
240	NGUYỄN ĐỨC NAM	12A6	8	4	5	17
241	LƯƠNG NGỌC VÂN LY	12A8	5.8	5	6.2	17
242	VŨ THỊ TRÀ MY	12A2	7.8	6.75	2.4	16.95
243	LA ĐỨC CƯỜNG	12A4	8.2	6.75	2	16.95
244	ĐẶNG TRÀ MY	12A2	7.8	3.5	5.6	16.9
245	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	12A6	7	7.5	2.4	16.9
246	ĐỖ THỊ NGỌC MINH	12A7	5.6	6.5	4.8	16.9
247	NGUYỄN NGỌC ANH	12A9	6.8	5.5	4.6	16.9
248	NGUYỄN NGỌC BẢO	12A9	6.4	5.5	5	16.9
249	DƯƠNG THÙY LINH	12A2	4	7.25	5.6	16.85
250	VŨ THỊ THÙY LINH	12A9	6.4	7.25	3.2	16.85
251	PHẠM THÙY TÂM	12A3	8.2	6	2.6	16.8
252	NGUYỄN ĐẠI THẮNG	12A9	8.4	5	3.4	16.8
253	NGUYỄN DIỆU LINH	12A3	7.2	5	4.6	16.8
254	VŨ TIẾN ĐẠT	12A2	8.4	4.75	3.6	16.75
255	VŨ THỊ QUỲNH MAI	12A5	5	6.75	5	16.75
256	PHẠM THỊ NGUYỆT NGA	12A5	7.6	6.5	2.6	16.7
257	BÙI THỊ HỒNG YẾN	12A7	7.4	5.5	3.8	16.7
258	HOÀNG VĂN VIỆT	12A2	6.8	6.25	3.6	16.65
259	NGUYỄN THỊ NHÂM	12A5	6.8	6.25	3.6	16.65
260	NGUYỄN HỮU ĐỨC ANH	12A2	9	5.25	2.4	16.65
261	PHẠM TRẦN ĐÔNG	12A4	6.4	4.25	6	16.65
262	NGUYỄN THỊ NGỌC NHI	12A6	6.6	6.25	3.8	16.65
263	PHẠM YẾN CHI	12A5	6.6	6	4	16.6
264	NGUYỄN MẠNH DŨNG	12A9	5.8	6	4.8	16.6
265	PHAN MỸ HOA	12A3	5.4	7.75	3.4	16.55
266	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	12A3	6.2	6.75	3.6	16.55
267	NGUYỄN BÁ PHONG	12A7	7	6.75	2.8	16.55

STT	Họ và tên	Lớp	Toán	Văn	Tiếng anh	KHỐI D
268	NGUYỄN THẢO THANH TÂM	12A2	8.2	5.5	2.8	16.5
269	PHẠM MAI CHI	12A3	7.6	6.5	2.4	16.5
270	NGUYỄN THỊ DIỆU	12A3	5.8	6.5	4.2	16.5
271	PHẠM THỊ THỦY	12A6	7.4	5.5	3.6	16.5
272	PHAN VĂN ĐÔNG	12A7	8.2	5.5	2.8	16.5
273	PHẠM QUỲNH MAI	12A8	6.6	6.5	3.4	16.5
274	DƯ HỒNG PHÚC	12A7	7	6.25	3.2	16.45
275	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	12A8	7.4	6.25	2.8	16.45
276	NGUYỄN NAM DƯƠNG	12A3	7	5	4.4	16.4
277	ĐỖ THỊ HỒNG ĐIỆP	12A2	7.6	5.75	3	16.35
278	NGÔ THỊ THÙY DƯƠNG	12A5	6	6.75	3.6	16.35
279	NGUYỄN THU HƯƠNG	12A7	6	7.75	2.6	16.35
280	HOÀNG THỊ NHƯ Ý	12A10	6.6	6.5	3.2	16.3
281	LÊ NGỌC HIỀN	12A9	6.8	5.5	4	16.3
282	DƯ THANH BÌNH	12A1	8.2	4.25	3.8	16.25
283	NGUYỄN THÀNH LONG	12A4	7.8	5.25	3.2	16.25
284	ĐÀO THỊ NGỌC NINH	12A8	6	5.25	5	16.25
285	ĐẶNG VĂN TRƯỞNG	12A8	7.8	7.25	1.2	16.25
286	VŨ VINH VIỆT	12A8	7.8	6.25	2.2	16.25
287	DƯ NGỌC ÁNH	12A2	7.8	6	2.4	16.2
288	PHẠM QUANG THUẦN	12A6	6.4	6	3.8	16.2
289	NGUYỄN VĂN GIÁP	12A7	5.6	7	3.6	16.2
290	NGUYỄN TRỌNG LỊCH	12A2	8	4.75	3.4	16.15
291	VŨ THỊ HỒNG NHUNG	12A6	6.4	6.75	3	16.15
292	TRẦN TRUNG KIÊN	12A8	7.2	5.5	3.4	16.1
293	NGUYỄN VŨ THẾ HOÀN	12A8	8.8	3	4.2	16
294	PHẠM THU PHƯƠNG THẢO	12A4	6.8	5.75	3.4	15.95
295	NGUYỄN HOÀNG HUY	12A1	7.2	4.75	4	15.95
296	PHẠM HỒNG NHUNG	12A3	7	5.75	3.2	15.95
297	NGUYỄN TIẾN DŨNG	12A8	6.2	4.5	5.2	15.9

STT	Họ và tên	Lớp	Toán	Văn	Tiếng anh	KHỐI D
298	HOÀNG XUÂN LÂM	12A4	6.8	6.25	2.8	15.85
299	NGUYỄN QUANG HUY	12A8	6.4	5.25	4.2	15.85
300	VŨ DUY HỮU	12A6	7.2	6.25	2.4	15.85
301	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	12A7	6.6	6.25	3	15.85
302	BÙI VIẾT PHƯƠNG	12A5	7.6	5	3.2	15.8
303	PHẠM THU HƯƠNG	12A6	6	7	2.8	15.8
304	VŨ QUỐC DŨNG	12A5	6	3.75	6	15.75
305	NGUYỄN MINH HIẾU	12A6	7	4.75	4	15.75
306	NGUYỄN BẢO LINH	12A7	5.6	5.75	4.4	15.75
307	ĐÀO THỊ TUYẾT MAI	12A8	5.4	5.75	4.6	15.75
308	ĐẶNG THỊ THANH NHÀN	12A8	5.8	6.5	3.4	15.7
309	NGUYỄN THỊ THU QUỲNH	12A9	6.4	6.5	2.8	15.7
310	PHẠM THÀNH PHỐ	12A10	6	5.25	4.4	15.65
311	NGUYỄN HOÀNG ĐỨC	12A9	5.2	5.25	5.2	15.65
312	ĐÀO MẠNH QUANG	12A6	3.2	5.5	6.8	15.5
313	LƯƠNG TUẤN ANH	12A3	7.4	4.25	3.8	15.45
314	ĐẶNG XUÂN AN	12A9	6	6	3.4	15.4
315	NGUYỄN THỊ THU TRANG	12A8	6.4	6.75	2.2	15.35
316	ĐẶNG CẢNH DINH	12A10	5	4.75	5.6	15.35
317	NGUYỄN THỊ ĐÀO	12A5	6	6.75	2.6	15.35
318	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	12A6	7	5.75	2.6	15.35
319	NGUYỄN ĐẶNG HUY ANH	12A4	7.4	4.5	3.4	15.3
320	NGÔ NGỌC LÂM	12A4	7	4.5	3.8	15.3
321	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	12A9	5	6.25	4	15.25
322	VŨ DUY MINH	12A9	5.4	6.25	3.6	15.25
323	NGUYỄN THANH TRÚC	12A9	4	7.25	4	15.25
324	VŨ THỊ MAI HOA	12A8	7.4	7	0.8	15.2
325	NGÔ THỊ HẬU	12A9	3.6	7	4.6	15.2
326	ĐÀO THỊ HỒNG DIỆP	12A10	5.2	6.75	3.2	15.15
327	BÙI ĐÌNH NHẤT	12A6	6.2	4.75	4.2	15.15

STT	Họ và tên	Lớp	Toán	Văn	Tiếng anh	KHỐI D
328	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	12A5	3.8	7.5	3.8	15.1
329	VŨ DUY THÁI	12A4	6.2	5.25	3.6	15.05
330	BÙI THỊ LAN	12A5	4.2	7.25	3.6	15.05
331	BÙI THỊ NGOC ÁNH	12A10	3.8	7.75	3.4	14.95
332	PHẠM QUANG THÀNH	12A3	8	3.75	3.2	14.95
333	NGUYỄN XUÂN PHÚC	12A8	6.6	4.75	3.6	14.95
334	PHẠM THỊ HOA	12A5	5	6.5	3.4	14.9
335	NGUYỄN QUANG THẮNG	12A4	8	4.25	2.6	14.85
336	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	12A7	4.2	6.25	4.4	14.85
337	NGUYỄN MINH TOÀN	12A7	6.4	6	2.4	14.8
338	NGUYỄN CÔNG HIỆP	12A8	6.8	5	3	14.8
339	PHẠM VĂN TRUNG ĐỨC	12A3	5.2	6	3.6	14.8
340	NGUYỄN TUẤN ANH	12A8	5.4	4.75	4.6	14.75
341	PHAN NHƯ QUỲNH	12A9	5.4	6.75	2.6	14.75
342	PHẠM THỊ THỦY	12A6	7.4	4.25	3	14.65
343	NGUYỄN VĂN NHẬT	12A9	6.4	5	3.2	14.6
344	KIỀU KIM NGÂN	12A10	4	7	3.6	14.6
345	TRẦN VĂN HÙNG	12A7	6.6	5	3	14.6
346	NGUYỄN HỮU QUYẾT	12A7	6.2	4.75	3.6	14.55
347	PHẠM THẾ CÔNG	12A7	5.8	5.5	3.2	14.5
348	ĐÀO DUY THÀNH	12A7	7	5.5	2	14.5
349	NGUYỄN THỊ CHIỀU DƯƠNG	12A9	7	4.5	3	14.5
350	VŨ HẢI YẾN	12A10	4.6	6.25	3.6	14.45
351	LÊ HOÀNG DƯƠNG	12A8	6	6.5	1.8	14.3
352	PHAN DIỆU LINH	12A5	4.4	7.25	2.6	14.25
353	NGUYỄN VĂN KHÁNH	12A9	5.8	5.25	3.2	14.25
354	NGUYỄN NGỌC DOANH	12A8	5.8	5	3.4	14.2
355	TRƯƠNG HOÀNG ANH	12A10	5.4	6	2.8	14.2
356	BÙI THỊ NGA	12A10	6.4	5	2.8	14.2
357	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	12A7	6	6	2.2	14.2

STT	Họ và tên	Lớp	Toán	Văn	Tiếng anh	KHỐI D
358	NGUYỄN VĂN LÂM	12A6	5.8	5.5	2.8	14.1
359	PHẠM HỒNG QUANG MINH	12A4	5	5.25	3.8	14.05
360	PHAN THANH THỦY	12A10	5	6	3	14
361	PHẠM SĨ LƯU PHÚC	12A6	3	5	6	14
362	CAO VIỆT HÙNG	12A9	7	5	2	14
363	PHẠM TRỌNG HIẾU	12A6	4.8	5.75	3.4	13.95
364	PHẠM SỸ ĐỨC	12A5	6	3.75	4.2	13.95
365	PHẠM HỒNG PHÚC	12A5	5.4	5.75	2.8	13.95
366	TRƯƠNG THỊ THÙY	12A5	4.4	6.5	3	13.9
367	PHẠM QUANG THÁI	12A9	5.2	4.5	4.2	13.9
368	NGUYỄN TRỌNG HIỆP	12A6	4.4	6.25	3.2	13.85
369	PHẠM THỊ THANH DIỄM	12A8	5	6.25	2.6	13.85
370	NGUYỄN DUY TIẾN	12A8	6.4	5	2.4	13.8
371	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	12A6	5.8	5.5	2.4	13.7
372	NGUYỄN THỊ TUYẾT THANH	12A6	6.4	5.25	2	13.65
373	NGUYỄN VĂN PHÚC	12A8	7	4.25	2.4	13.65
374	CAO THỊ BÍCH NGỌC	12A5	3.4	6	4.2	13.6
375	NGUYỄN PHƯƠNG NHI	12A10	4	5.75	3.8	13.55
376	VŨ LÂM BÁCH	12A8	7.6	2.75	3	13.35
377	BÙI THỊ NGỌC OANH	12A10	4.2	6	3	13.2
378	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	12A5	5	6	2.2	13.2
379	DƯ QUỐC TRIỆU	12A9	5.4	5	2.8	13.2
380	NGUYỄN THỊ THU DUYÊN	12A8	5.4	4.75	3	13.15
381	BÙI MINH PHÁT	12A8	5	3.75	4.4	13.15
382	BÙI XUÂN TRƯỜNG	12A10	7	3.5	2.6	13.1
383	VŨ NGỌC DOANH	12A4	5.4	5.25	2.4	13.05
384	PHAN HÀ THẢO VÂN	12A6	4	6.25	2.8	13.05
385	NGUYỄN VŨ THÙY LINH	12A10	3.2	6	3.8	13
386	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	12A10	6	4.25	2.6	12.85
387	PHẠM BIÊN CƯƠNG	12A10	6.2	4	2.4	12.6

STT	Họ và tên	Lớp	Toán	Văn	Tiếng anh	KHỐI D
388	VŨ THỊ HẢI HẬU	12A10	3.2	6	3.2	12.4
389	VŨ THU HÀ	12A10	4.4	6	1.8	12.2
390	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	12A10	4	6	2	12
391	NGUYỄN THỊ KIM ANH	12A5	3.4	6.25	1.8	11.45
392	ĐẶNG TUẤN ANH	12A10	4.2	5	2.2	11.4
393	ĐINH ĐỨC PHÚC	12A7	3.8	4.25	2.8	10.85
394	HỒ HOÀNG THI	12A10	3.2	4.25	3	10.45
395	CAO THỊ NGA	12A9	3.2	4.5	2.4	10.1
396	TRẦN THỊ HẢI NGUYÊN	12A10	2.8	3.75	2.6	9.15